

Tên (Name): _____

Các Dấu Trong Tiếng Việt

1. Dấu Thanh

- / (dấu sắc)
- \ (dấu huyền)
- ? (dấu hỏi)
- ~ (dấu ngã)
- (dấu nặng)

2. Dấu Lập Chữ

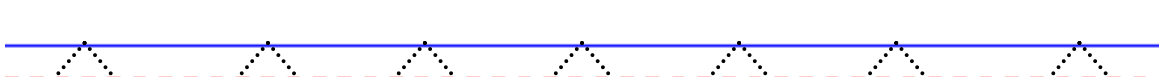
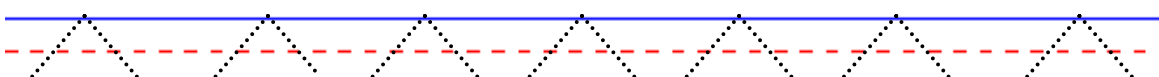
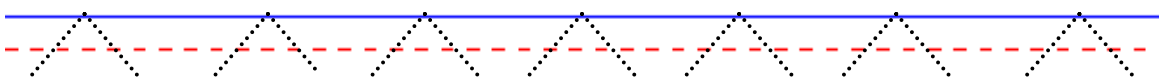
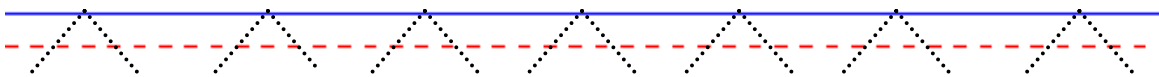
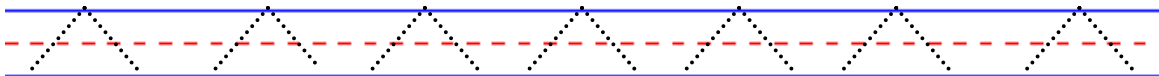
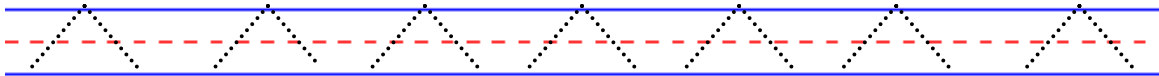
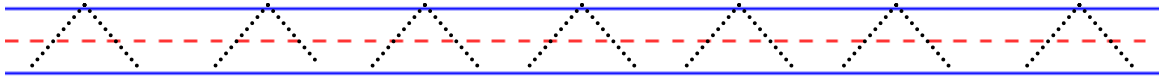
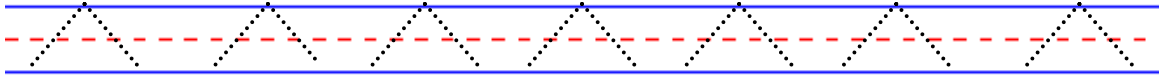
- ^ (dấu mũ) â ê ô
- , (dấu móc) ư ơ
- (dấu ngang) đ
- ◡ (dấu á) ă

Tên Chữ Cái và Cách Phát Âm

A	Ă	Â	B	C	D	Đ	E	Ê	G	H	I
a	á	ớ	bê bờ	xê ờ	dê đờ[yờ]	đê đờ	e ê	giê	hát gờ	i hờ	
K	L	M	N	O	Ô	Ơ	P	Q	R	S	
ca	en lơ ca	em-mờ mờ	anh nở nờ	o	ô	ơ	pê pờ	cu quờ	e-rờ rờ	ét-xơ' sơ'[shờ]	
T	U	Ư	V	X	Y						
tê tờ	u	ư	vê vờ	ít-xờ xờ	i-dài (i-cờ-rếch)						

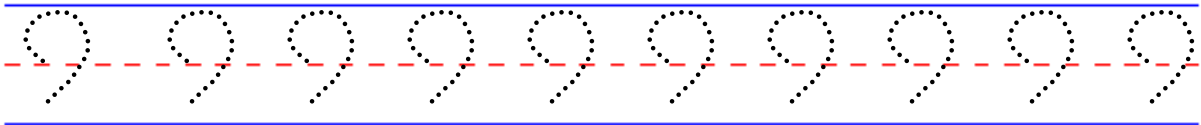
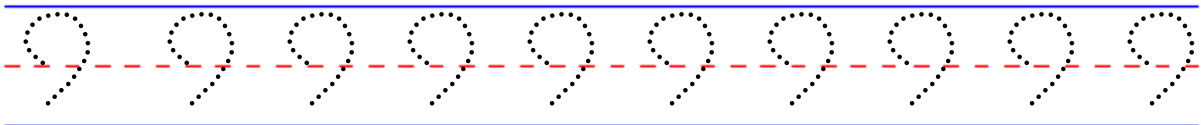
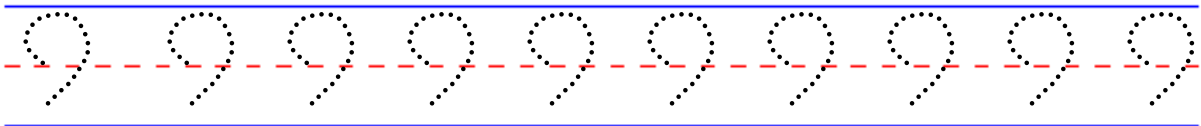
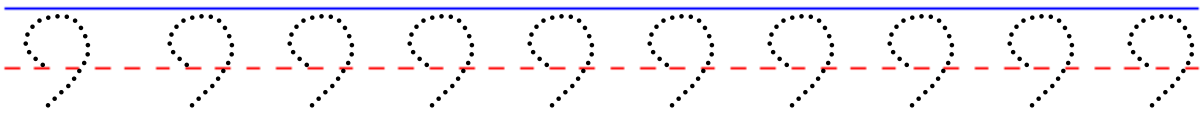
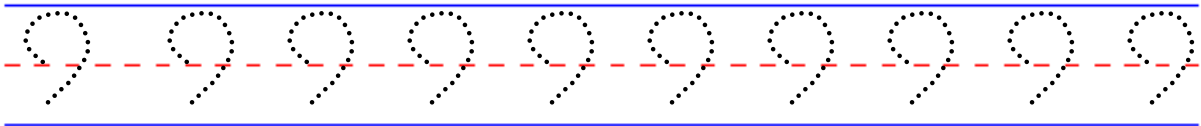
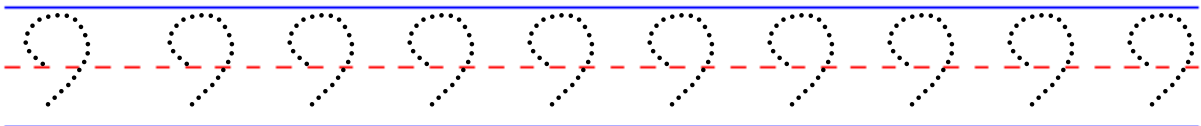
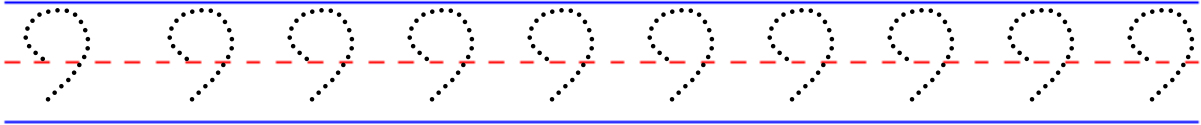
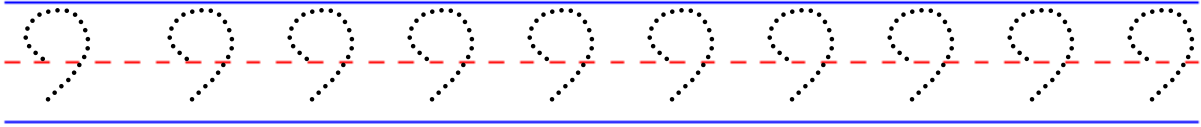
Tên (Name): _____

Dấu Mũ



Tên (Name): _____

Dấu Móc 9



Tên (Name): _____

Dấu á 